

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 975/TC-QĐ-TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bảng giá mua tối thiểu tại cửa khẩu để tính thuế nhập khẩu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ thẩm quyền và nguyên tắc định giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ;
Căn cứ Phần II, Thông tư số 72A TC/TCT ngày 30/8/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ;
Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Ban hành danh mục các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu và Bảng giá mua tối thiểu tại cửa khẩu đối với các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý giá tính thuế (ban hành kèm theo Quyết định này) để cơ quan thu thuế làm căn cứ xác định giá tính thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu không đủ điều kiện xác định giá tính thuế theo hợp đồng; hoặc giá ghi trong hợp đồng thấp hơn so với giá mua tối thiểu được quy định; hoặc đối với hàng hoá nhập khẩu theo phương thức khác không phải là mua bán, không thanh toán qua Ngân hàng.

Đối với những mặt hàng có ghi trong hợp đồng cao hơn Bảng giá tính thuế tối thiểu quy định, thì giá tính thuế vẫn phải áp dụng theo giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương.

Điều 2.- Những hàng hoá nhập khẩu nếu có đủ các điều kiện sau thì được xác định giá tính thuế theo hợp đồng mua, bán:

1. Hợp đồng mua bán ngoại thương hợp lệ theo quy định số 299 TMDL-XNK ngày 9/4/1992 của Bộ Thương mại, cụ thể:

+ Chủ thể hợp đồng ngoại thương phải được ghi rõ ràng: Tên, địa chỉ, tài khoản của người mua, người bán.

+ Đủ chữ ký hợp pháp (giám đốc hoặc người được giám đốc uỷ quyền), phía Việt Nam phải có dấu.

+ Có đủ các điều khoản chủ yếu của một bản hợp đồng: Tên hàng, số lượng, quy cách phẩm chất, thời hạn và địa điểm giao hàng, giá cả và điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán và chứng từ thanh toán.

2. Thanh toán qua Ngân hàng.

Điều 3.- Những mặt hàng thuộc Danh mục các mặt hàng Nhà nước quản lý về giá tính thuế nhập khẩu mà chưa có trong bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này, thì Cục Hải quan các tỉnh, thành phố căn cứ nguyên tắc định giá tính thuế xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP và tham khảo ý kiến của cơ quan thuế, vật giá cùng cấp để xây dựng bổ sung.

Việc xây dựng bổ sung Bảng giá trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày ký Quyết định phải báo cáo về Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định bổ sung, Bộ Tài chính sẽ có ý kiến trả lời, nếu không có ý kiến trả lời thì Quyết định bổ sung đương nhiên được thực hiện cho các lần tiếp theo.

Tổng cục Hải quan căn cứ vào sự biến động giá nhập khẩu thực tế từng thời kỳ được phép điều chỉnh giá tính thuế nhập khẩu trên dưới 5% (năm phần trăm) của từng mặt hàng trong Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này để áp dụng thống nhất giữa các địa phương. Trường hợp có sự biến động tăng hoặc giảm trên 5% thì Cục Hải quan địa phương kịp thời báo cáo Tổng cục Hải quan để Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính ra Quyết định sửa đổi.

Điều 4.- Đối với những mặt hàng không thuộc Danh mục các nhóm mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu, nếu có đủ điều kiện để áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng thì được áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương phù hợp với các chứng từ khác có liên quan đến việc mua hàng, bán hàng như nói ở Điều 2 Quyết định này. Những trường hợp không đủ điều kiện xác định giá tính thuế theo hợp đồng thì áp dụng giá tính thuế theo các Quyết định số 353 TC/TCT/QĐ ngày 22/4/1994, số 1400 TC/TCT/QĐ ngày 29/12/1994 và số 143 TC/TCT/QĐ ngày 23/02/1995 của Bộ Tài chính về việc ban hành Bảng giá tính thuế nhập khẩu. Trường hợp những mặt hàng chưa có trong các Bảng giá quy định thì Cục Hải quan các tỉnh, thành phố căn cứ vào nguyên tắc định giá tính thuế quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP và tham khảo ý kiến của cơ quan thuế, vật giá cùng cấp để xây dựng bổ sung. Các quyết định bổ sung phải gửi về Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày ký.

Điều 5.- Giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu đã qua sử dụng được phép nhập khẩu bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá hàng mới cùng chủng loại. Những mặt hàng trên thực tế không có giá hàng mới cùng chủng loại thì căn cứ theo loại hàng mới tương đương để tính.

Điều 6.- Quyết định này thay thế các Quyết định số 1187 TC/QĐ/TCT ngày 20/11/1995; số 146 TC/QĐ/TCT ngày 01/3/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/1996 áp dụng cho tất cả các hình thức nhập khẩu tiểu ngạch, chính ngạch, phi mậu dịch... Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

KT.Bộ trưởng

Thứ trưởng

(Đã ký)

Vũ Mộng Giao

DANH MỤC

Các mặt hàng nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu

(Ban hành kèm theo quyết định số 975TC/QĐ/TCT ngày 29/10/1996

của Bộ Tài Chính)

1. Sữa và các sản phẩm chế biến từ sữa
2. Chè, cà phê các loại
3. Bột mỳ, bột ngô, Malt bia
4. Hoa Hublon, Cao hoa bia
5. Mỡ dầu động, thực vật các loại
6. Bột ngọt (mỳ chính) và các loại gia vị
7. Đường, bánh mứt kẹo
8. Nước khoáng, nước giải khát các loại.
9. Rượu, bia các loại.
10. Nguyên liệu sản xuất thuốc lá
11. Xi măng, thạch cao
12. Sơn, véc ni các loại
13. Dầu gội đầu, xà phòng
14. Dầu nhờn
15. Phim chụp ảnh, giấy ảnh
16. Plastic và các sản phẩm bằng Plastic
17. Săm, lốp các loại
18. Giấy, bìa các loại
19. Vải các loại
20. Đồ sứ vệ sinh, gạch men
21. Quần áo
22. Thảm, tấm trải sàn các loại, chăn bao tải đay...
23. Bếp gas và đồ dùng nhà bếp các loại
24. Kính xây dựng
25. Sắt thép các loại

26. Các cấu kiện bằng nhôm

27. Đồ điện dân dụng và linh kiện

+ Quạt điện

+ Lò sấy, nướng

+ Máy điều hoà nhiệt độ

+ Tủ lạnh

+ Máy giặt

+ Bình đun nước nóng

+ Tivi và

+ Nồi cơm điện

+ Radio, cassette, dàn cassette

+ Bảng từ video, cassette

+ Đầu video

+ Bóng đèn điện các loại

+ Bàn là

+ Máy lọc nước uống nóng lạnh

+ Đèn trang trí

+ Máy hút bụi

+ Máy xay sinh tố

+ Loại khác

+ Biến thể

28. Động cơ, máy bơm nước, máy phát điện

29. Ắc quy, pin

30. Ôtô và linh kiện

31. Xe máy, xe đạp và linh kiện xe máy

32. Máy ảnh, máy photocopy

33. Kính đeo mắt, đồng hồ

34. Bàn ghế, giường tủ, đệm các loại

(Ba tư nhóm mặt hàng)